

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM THỊ NGỌC YẾN

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG
CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH
NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
- CHI NHÁNH ĐẮKLẮK**

Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh
Mã số: 60.34.01.02

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2015

Công trình đã hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. LÊ THẾ GIỚI

Phản biện 1: PGS.TS. LÊ VĂN HUY

Phản biện 2: PGS.TS. ĐỖ NGỌC MỸ

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 19 tháng 9 năm 2015

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong sự phát triển của nền kinh tế hiện nay, hệ thống Ngân hàng Thương mại đóng vai trò quan trọng, Ngân hàng vừa là “người đi vay” vừa là “người cho vay”, là một trung gian tài chính điều tiết nguồn vốn trong xã hội từ nơi thừa sang nơi thiếu để đáp ứng nhu cầu phục vụ vốn cho việc sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Điều đó cho thấy rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của ngân hàng là rất lớn và không thể tránh khỏi.

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động tín dụng và rủi ro tín dụng đối với ngân hàng, cùng với những kiến thức có được trong quá trình học tập tại trường và nghiên cứu thực tập tại Ngân hàng nên tôi quyết định chọn đề tài “*Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đắc Lắc*”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Góp phần hệ thống hóa những lý luận cơ bản về hạn chế RRTD trong hoạt động cho vay của các NHTM.
- Phân tích thực trạng về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắc Lắc trong những năm qua. Từ đó chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắc Lắc.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm phòng ngừa và hạn chế tình hình rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắc Lắc trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là Những vấn đề lý luận, thực tiễn về rủi ro và quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đắk Lắk.

Phạm vi nghiên cứu của luận văn:

+ Về nội dung: Nghiên cứu hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đắk Lắk.

+ Về thời gian đánh giá thực trạng: từ năm 2012 đến năm 2014

+ Thời gian nghiên cứu từ ngày 20/10/2014 đến ngày 15/03/2015.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích tổng hợp
- Phương pháp thống kê kinh tế
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp chuyên gia

5. Ý nghĩa

- Hệ thống hóa và khái quát hóa các cơ sở lý luận cơ bản liên quan đến vấn đề hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tại các NHTM.

- Phân tích, đánh giá để rút ra những nhận xét, kết luận về thực trạng công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk.

- Tìm hiểu nguyên nhân và giải pháp để hạn chế RRTD trong cho vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk.

6. Kết cấu đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm có 03 chương

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP.

Chương 2: Thực trạng Quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay của khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắc Lắc.

Chương 3: Một số giải pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắc Lắc.

7. Tổng quan tài liệu

“Quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh” của tác giả Lê Nguyễn Phương Ngọc (2007); “Giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàng Quốc Việt” của tác giả Trương Thị Vân Anh (2012); “Quản trị rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Khu vực thành phố Hồ Chí Minh” của tác giả Nguyễn Hồng Châu (2010); “Quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội” của tác giả Đào Tuấn An (2012); “Nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương CN Hồ Chí Minh” của tác giả Nguyễn Thị Anh Thủy (2012).

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TỔNG QUAN RỦI RO TÍN DỤNG

1.1.1. Khái niệm về rủi ro và rủi ro tín dụng

a. Khái niệm rủi ro

b. Khái niệm rủi ro trong hoạt động cho vay

1.1.2. Đặc điểm của rủi ro tín dụng trong cho vay của ngân hàng thương mại

1.1.3. Phân loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại

- Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro, rủi ro tín dụng.
- Căn cứ vào tính chất rủi ro.
- Căn cứ vào tính chất khách quan, chủ quan của nguyên nhân.

1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng

a. Các nhân tố bên trong ngân hàng

- Chính sách tín dụng
- Quy trình tín dụng
- Cách thức quản lý tiền cho vay của Ngân hàng
- Hệ thống thông tin trong ngân hàng
- Chất lượng đội ngũ nhân viên
- Nguồn lực tài chính

b. Các nhân tố bên ngoài ngân hàng

- Nhân tố từ phía khách hàng
- Môi trường kinh tế
- Môi trường pháp lý

1.2. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Tầm quan trọng của quản trị rủi ro tín dụng

- Dự báo, phát hiện rủi ro tiềm ẩn.
- Phòng chống rủi ro được thực hiện bởi các nhân viên, cán bộ lãnh đạo ngân hàng.
- Quản trị đề ra những mục tiêu cụ thể giúp ngân hàng đi đúng hướng.

1.2.2. Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng

1.2.3. Mục tiêu công tác quản trị rủi ro tín dụng

- Hoạch định phương hướng, kế hoạch phòng chống rủi ro.
- Xây dựng các chương trình nghiệp vụ, cơ cấu kiểm soát phòng chống rủi ro, phân quyền hạn và trách nhiệm cho từng thành viên.
- Tạo sự chủ động, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các bộ phận tác nghiệp.
- Có những quy định để thực hiện thống nhất, minh bạch.
- Đảm bảo minh bạch, chính xác chất lượng danh mục tín dụng, trích lập dự phòng.
- Kiểm tra, kiểm soát để đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch phòng chống rủi ro đã hoạch định.

1.2.4. Quy trình quản trị rủi ro tín dụng

- Nhận dạng rủi ro tín dụng
- Đo lường rủi ro tín dụng
- Kiểm soát rủi ro tín dụng
- Tài trợ rủi ro tín dụng

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã khái quát được nội dung về việc hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của NHTM. Trong đó nêu rõ các đề liên quan đến RRTD như khái niệm, tác động, dấu hiệu, chỉ tiêu đánh giá RRTD. Cuối cùng là nội dung hạn chế RRTD trong cho vay và các nhân tố ảnh hưởng đến nó. Trên cơ sở lý luận phục vụ cho mục đích nghiên cứu của đề tài, để xem xét một cách cụ thể hơn tôi sẽ thực hiện nghiên cứu thực trạng hạn chế RRTD trong cho vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA KHÁCH HÀNG
DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG
TMCP SÀI GÒN - CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN
- CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.1.1. Sơ lược về lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, chi nhánh Đắk Lắk

2.1.2. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Chi nhánh Đắk Lắk

a. Hoạt động huy động vốn

Bảng 2.1. Huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - chi nhánh Đắk Lắk 2012-2014

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	So sánh (%)	
	Số tiền	Số tiền	Số tiền	13/12)	(14/13)
Tổng nguồn vốn huy động	529,26	824,43	1.295,78	55,8	57,2
Theo thành phần kinh tế					
Tiền gửi TCKT	121,73	206,11	336,90	69,3	63,5
Tiền gửi tiết kiệm	254,05	375,94	616,79	48,0	64,1

Giấy tờ có giá	153,49	242,38	342,09	57,9	41,1
Theo kỳ hạn					
TG có kỳ hạn	385,83	677,68	1015,89	75,6	49,9
TG không kỳ hạn	143,43	146,75	279,89	2,3	90,7

(Nguồn: Phòng kinh doanh TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk)

Tình hình huy động vốn qua chi nhánh của các năm không ngừng tăng lên. Chi nhánh đã không ngừng tăng cường các hoạt động Marketing để tìm kiếm lượng khách hàng mới như sử dụng các kênh thông tin quảng bá đại chúng, các chương trình quà tặng....

b. Hoạt động cho vay và thu nợ

Bảng 2.2: Tình hình cho vay và thu nợ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk 2012-2014

(ĐVT: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2012	2013		2014	
	Số tiền	Số tiền	Tốc độ tăng (%)	Số tiền	Tốc độ tăng (%)
Doanh số cho vay	678,54	1.017,82	50,0	1.475,83	45,0
Doanh số thu nợ	421,54	712,35	69,0	1.120,46	57,3
Dư nợ	257,01	562,48	118,9	917,85	63,2
Nợ quá hạn	4,32	12,91	199,0	31,02	140,3
Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	1,68	2,30	-	3,38	-

(Nguồn: Phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk)

Doanh số cho vay tăng do cơ chế của Ngân hàng đang mở rộng cho vay, các thủ tục vay vốn được quảng bá rộng, thu hút nhiều đối tượng trên địa bàn. Dư nợ cho vay chủ yếu tập trung vào khách hàng cá nhân, chưa thu hút được nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp, tỷ trọng dư nợ cho vay doanh nghiệp còn thấp.

Doanh thu của chi nhánh chủ yếu từ hoạt động cho vay, điều này chứng tỏ tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng là tốt. Bên cạnh đó, chi phí cũng tăng là do chi nhánh đã mở rộng quy mô hoạt động, cũng như mở rộng nhiều sản phẩm, dịch vụ.

2.2. THỰC TRẠNG RỦI RO VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN, CN ĐẮK LẮK

2.2.1. Thực trạng rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, chi nhánh Đắk Lắk

- Rủi ro trong giao dịch
- Rủi ro danh mục

2.2.2. Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, chi nhánh Đắk Lắk

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN, CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.3.1. Thành công

- Ngân hàng đã thành công trong công tác hạn chế rủi ro tín

dụng trong cho vay trong những năm qua.

- Đã có sự phân loại KH dựa trên bảng xếp hạng DN

- Công tác thẩm định ngày càng chú trọng về chất lượng và hiệu quả. Nhờ đó góp phần giảm thiểu tổn thất do rủi ro tín dụng gây ra và nâng cao chất lượng khoản vay.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn và cử cán boojtins dụng tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ cho vay.

2.3.2. Tồn tại và nguyên nhân

a. Những vấn đề tồn tại

- Ngân hàng Nhà nước đã ban hành chính sách tín dụng dưới hình thức “ Hướng dẫn về quy chế cho vay đối với khách hàng”. Tuy nhiên văn bản không chỉ dẫn cần thiết về chiến lược tín dụng riêng.

- Quy trình tín dụng còn nhiều vấn đề cần điều chỉnh như: thiếu cơ chế trao đổi và phối hợp thông tin hữu hiệu giữa các bộ phận thuộc quy trình tín dụng khi xuất hiện những dấu hiệu rủi ro.

- Trong phân tích tín dụng cần điều chỉnh một số nội dung như: nội dung phân tích, xếp loại kahchs hàng, thông tin trong phân tích tín dụng, trình độ cán bộ phân tích.

- Phát hiện, theo dõi và xử lý nợ có vấn đề biểu hiện như: Cảnh báo rủi ro, Quy trình xử lý các khoản tín dụng có vấn đề, Xử lý rủi ro, Xử lý tài sản thế chấp.

b. Nguyên nhân của những tồn tại

- ***Nguyên nhân từ phía khách hàng***

- + *Rủi ro do sự biến động của nền kinh tế thế giới trong thời gian qua*

+ *Rủi ro do sự thay đổi của môi trường tự nhiên như: thiên tai, dịch bệnh, bão lụt gây tổn thất cho kahchs hàng vay vốn kinh doanh*

+ *Rủi ro do sự can thiệp của Chính phủ, chính sách Nhà nước*

+ *Rủi ro do môi trường pháp lý Việt Nam*

- Nguyên nhân từ phí khách hàng

+ *Do năng lực tài chính của khách hàng yếu kém*

+ *Do năng lực quản trị điều hành kinh doanh yếu kém*

+ *Do sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trả nợ*

+ *Do khách hàng gian lận*

- Nguyên nhân từ phí ngân hàng

+ *Cán bộ tín dụng sai sót khi thực hiện quy trình cấp tín dụng, công tác thu thập thông tin tín dụng không đầy đủ và chính xác*

+ *Lạm dụng tài sản thế chấp*

+ *Thiếu kiểm tra giám sát vốn vay*

+ *Công tác kiểm tra nội bộ tại chi nhánh chưa hiệu quả*

+ *Năng lực chuyên môn, đạo đức của đội ngũ cán bộ tín dụng còn hạn chế*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Các phân tích và nhận xét về thực trạng hoạt động tín dụng, công tác quản trị rủi ro tín dụng và các nguyên nhân dẫn đến rủi ro tín dụng trong thời gian qua tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk có thể thấy rằng công tác quản trị rủi ro tín dụng của CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk vẫn chưa phát huy hiệu quả, làm cho hoạt động tín dụng tại ngân hàng trở nên bị động, nợ xấu tăng cao, giảm một phần khả năng thích ứng với giai đoạn hiện nay (giai đoạn hội nhập) cho cả chính ngân hàng và cho doanh nghiệp vay vốn. Đó chính là những hạn chế đòi hỏi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

3.1.1. Định hướng kinh doanh của năm 2015

- Triển khai đề án tái cơ cấu Ngân hàng
- Đẩy mạnh công tác huy động vốn
- Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng.

- Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng

- Phát triển nguồn nhân lực

3.1.2. Mục tiêu kinh doanh 2015

3.1.3. Định hướng về hoạt động tín dụng trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - chi Nhánh Đắk Lắk.

3.2. GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - CN ĐẮK LẮK

3.2.1. Nhóm giải pháp về dấu hiệu cảnh báo trong hoạt động kinh quản trị rủi ro tín dụng

a. Nhóm dấu hiệu liên quan đến mối quan hệ ngân hàng

Đây là nhóm dấu hiệu dễ nhận biết nhất, có tác động trực tiếp.

Bao gồm:

- Trì hoãn hoặc gây khó khăn, trở ngại đối với ngân hàng trong quá trình kiểm tra định kỳ.

- Chậm gửi hoặc trì hoãn các báo cáo tài chính theo yêu cầu mà khách hàng không giải thích thuyết phục.

- Đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh kỳ hạn nhiều lần nhưng không có lý do chính đáng.

- Tài sản đảm bảo không đủ tiêu chuẩn.

- Dữ dụng tài trợ ngắn hạn cho hoạt động trung gian dài hạn

- Chấp nhận dữ dụng các nguồn tài trợ giá cao với mọi điều kiện.

b. Nhóm dấu hiệu liên quan đến mối quan hệ ngoài ngân hàng

Nhóm dấu hiệu này có tác động trực tiếp đến chất lượng tín dụng. Nhóm này bao gồm các dấu hiệu sau:

- Độ lệch giữa doanh thu hay dòng tiền thực tế so với mức dự kiến khi khách hàng đề nghị cấp tín dụng

- Những thay đổi bất lợi trong cơ cấu vốn, tỷ lệ thanh khoản hay mức độ hoạt động của khách hàng.

- Dấu hiệu ngày càng nhiều các chi phí bất hợp lý

- Thay đổi thường xuyên cơ cấu quản trị điều hành

- Xuất hiện bất đồng và mâu thuẫn trong bộ máy quản trị và điều hành.

- Những thay đổi về chính sách Nhà nước.

3.2.2. Nhóm giải pháp phòng ngừa rủi ro

a. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định và phân tích tín dụng

b. Quyết định cấp giới hạn tín dụng

c. Kiểm tra và giám sát tín dụng

3.2.3. Sử dụng nghiệp vụ hoán đổi tín dụng để phòng ngừa rủi ro tín dụng

Các điều kiện để có thể thực hiện CDS là:

Ngân hàng cần có hệ thống giám sát tín dụng và xếp hạng khách hàng vay, để từ đó xác định chính xác các khách hàng tiềm ẩn rủi ro. Đây là cơ sở để thực hiện quản lý rủi ro tín dụng và thực hiện “bán” những khoản cho vay nhằm cơ cấu lại danh mục cho vay của ngân hàng.

Ngân hàng cần lập ra bộ phận chuyên môn thực hiện nghiệp vụ CDS. Bộ phận này không chỉ thực hiện việc “bán” các khoản cho vay mà còn có thể thực hiện “mua” các khoản cho vay. Trên thực tế, với tư cách là người mua trong hợp đồng hoán đổi tín dụng, ngân hàng có thể coi như là một nhà đầu tư vào khách hàng vay của ngân hàng đối phương. Điều này giúp ngân hàng đa dạng hóa danh mục đầu tư. Ngân hàng cần xây dựng quy trình thực hiện nghiệp vụ CDS một cách hợp lý. Quy trình có thể như sau:

● *Ngân hàng với tư cách là người mua:*

Bước 1: phân loại và xếp hạng khách hàng vay vốn.

Bước 2: căn cứ kết quả bước 1, chính sách tín dụng và chiến lược của ngân hàng, xác định các khoản vay sẽ được “bán”.

Bước 3: xác định mức phí sẽ thanh toán cho bên mua tùy vào hạng của khoản vay và tình hình thị trường.

Bước 4: chào bán các khoản cho vay.

Bước 5: ký hợp đồng CDS và định kỳ thanh toán khoản phí cho bên mua và giám sát chặt chẽ tình hình khách hàng vay.

Bước 6: Yêu cầu bên mua thanh toán giá trị khoản vay nếu người đi vay không trả được nợ (sau khi đã xác định được giá trị thu hồi)

Bước 7: kết thúc - lưu hồ sơ.

● ***Ngân hàng với tư cách là người bán:***

Bước 1: Tiếp xúc các ngân hàng có nhu cầu “bán” khoản cho vay

Bước 2: Thu thập thông tin về khách hàng vay vốn trong hợp đồng tín dụng mà ngân hàng đối phương định “bán” và xác định khả năng thu hồi, giá trị thu hồi của khoản vay.

Bước 3: Xác định mức phí sẽ thu tùy vào hạng của khoản vay và tình hình thị trường.

Bước 4: Ký kết hợp đồng CDS.

Bước 5: Định kỳ thu các khoản phí cho bên mua và giám sát chặt chẽ tình hình khách hàng vay trong hợp đồng tín dụng.

Bước 6: Thanh toán giá trị khoản vay nếu người đi vay trong hợp đồng tín dụng không trả được nợ (sau khi đã xác định được giá trị thu hồi)

Bước 7: Kết thúc - lưu hồ sơ. Thị trường phái sinh của Việt Nam còn chưa phát triển, các sản phẩm phái sinh còn đơn giản.

3.2.4. Nhóm giải pháp tài trợ rủi ro

Khi rủi ro tín dụng xảy ra ngân hàng phải đối mặt với những tổn thất vật chất rất lớn ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động bình thường của ngân hàng. Để giảm thiểu những tác động tiêu cực từ tổn thất tín dụng, các ngân hàng thương mại cần phải thường xuyên thực hiện các giải pháp tài trợ tổn thất tín dụng bao gồm:

- Giải pháp trích lập dự phòng rủi ro: định kỳ đánh giá, phân loại chất lượng tín dụng trên cơ sở đó dự ước tổn thất và trích lập dự phòng rủi ro. Quỹ dự phòng rủi ro được sử dụng để bù đắp cho các tổn thất tín dụng nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng thương mại khi xảy ra rủi ro.

- Các giải pháp chuyển đẩy rủi ro: đối với một số loại hình rủi ro tín dụng đặc thù, một số ngân hàng thương mại có thể áp dụng các chính sách chuyển đẩy, chia sẻ rủi ro thông qua các công cụ phái sinh như: các hợp đồng hoán đổi rủi ro, bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm rủi ro tín dụng.

3.2.5. Nhóm giải pháp xử lý nợ có vấn đề và xử lý tổn thất tín dụng

a. Hình thức xử lý tổ chức khai thác

- + Cho vay thêm
- + Bổ sung tài sản đảm bảo

3.3.KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kiến nghị đối với chính phủ

-Trong việc hoạch định chính sách, cần cân đối một cách thích hợp giữa các mục tiêu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, ổn định

tiền tệ và sự phát triển bền vững của hệ thống NHTM, tránh tình trạng thắt chặt hoặc thả lỏng quá mức, thay đổi định hướng quá đột ngột gây ảnh hưởng đến hoạt động của NHTM.

- Nhà nước phải không ngừng tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh để khuyến khích sản xuất kinh doanh, tạo hành lang pháp lý vững chắc để các thành phần kinh tế yên tâm bỏ vốn ra đầu tư.

- Trong việc ban hành và thực hiện các cơ chế chính sách pháp luật chủ động đi trước sự phát triển của nền kinh tế xã hội, cần phải thu thập ý kiến các thành phần có sự tác động để đảm bảo việc thực thi được chính xác, hiệu quả, công bằng và phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thúc đẩy sự phát triển của các thị trường tài chính, trước hết là thị trường liên ngân hàng, thị trường tiền tệ, thị trường các sản phẩm phái sinh, thị trường mua bán nợ... thêm nhiều cơ hội đầu tư nhằm phân tán, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động NH.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật như hệ thống thông tin, kiểm toán, kế toán theo chuẩn mực quốc tế... tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và NHTM nói riêng phát triển an toàn, bền vững, hội nhập quốc tế

3.3.2. Kiến nghị với NH Nhà nước

- Nâng cao chất lượng quản lý, điều hành
- Tăng cường thanh tra hoạt động cho vay của các NH
- Nâng cao chất lượng của trung tâm thông tin tín dụng
- Xây dựng các chỉ tiêu trung bình ngành

-Phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện và ban hành hệ thống kế toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS)

3.3.3. Đối với chính quyền địa phương

Cần phát huy tốt vai trò hỗ trợ cho ngân hàng trong việc cung cấp thông tin về khách hàng, ký duyệt hồ sơ vay vốn cho khách hàng giúp cho hoạt động tín dụng của ngân hàng được thuận lợi hơn. Các ngành chức năng cần tạo điều kiện hỗ trợ CN trong việc xác nhận quyền sở hữu, tranh chấp, đặc biệt là trong quá trình định giá tài sản để đưa ra bán đấu giá thu hồi nợ.

Các cơ quan chính quyền cần cung cấp thông tin cũng như những thay đổi về định hướng phát triển kinh tế của tỉnh giúp cho ngân hàng có những chiến lược kinh doanh cụ thể, cân đối nguồn vốn hợp lý để có thể đáp ứng được nhu cầu vốn vay, đảm bảo phát triển kinh tế xã hội địa phương.

3.3.4. Đối với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - chi nhánh Đắk Lắk

Tăng cường công tác quảng cáo để thu hút khách hàng, huy động tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trên địa bàn.

Cần quan tâm nhiều hơn đến việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ trong công tác. Hạn chế cán bộ tín dụng tiếp nhận hồ sơ của những khách hàng là người thân để tránh sự gian lận hoặc ý kiến chủ quan trong khâu thẩm định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần vào công tác hạn chế RRTD trong cho vay tại CN. Bên cạnh đó đưa ra những kiến nghị với Chính phủ và các bộ ngành để hoàn thiện hơn môi trường kinh doanh để *Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắc Lắc* thành công hơn nữa trong công tác hạn chế RRTD trong cho vay của mình.

KẾT LUẬN

Như mọi hoạt động kinh doanh khác, hoạt động của NHTM Việt Nam hiện nay đang phát triển mạnh mẽ và nó đã trở thành quan trọng trong việc cung cấp “Vốn” cho các quá trình sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế. Hoạt động tín dụng của NH vừa đem lại lợi nhuận lại vừa tiềm ẩn những rủi ro. Để có thể tồn tại và phát triển các NH buộc phải khắc phục những khó khăn trước mắt, nâng cao chất lượng tín dụng, loại bỏ các hoạt động kém hiệu quả khỏi danh mục, tái cấu trúc lại nguồn vốn, tỷ trọng nguồn thu... Tuy nhiên việc loại bỏ rủi ro trong hoạt động kinh doanh tín dụng là không thực tế, nhất là RTTD trong cho vay. Vì vậy, trong quá trình hoạt động mỗi NH phải biết chấp nhận rủi ro ở mức độ nhất định để có được hiệu quả kinh doanh tốt nhất. Cho nên, vấn đề phòng ngừa hạn chế rủi ro là hoàn toàn cần thiết. Bám sát vào mục tiêu đó, Đề tài đã hoàn thành được các nội dung sau:

Thứ nhất, Đề tài đã tìm hiểu những lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng trong NH và những quan niệm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay của một số NH, tập đoàn trên thế giới để từ đó rút ra được những bài học cho NHTM Việt Nam.

Thứ hai, Đề tài đã đi sâu phân tích và đánh giá thực trạng hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắc Lắc

Thứ ba, Thông qua việc đánh giá những ưu điểm cũng như hạn chế cùng với các nguyên nhân của nó trong công tác phòng ngừa rủi

ro tín dụng trong cho vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk. Đề tài đã nêu lên một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay tại ***Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đắk Lắk***.